TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG** **Bản án số 34/2026/HNGĐ-ST** Ngày 10.02.2026 *V/v "Ly hôn"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Quốc Cường và bà Lê Thị Nhớ.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 215/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025, về việc *"Tranh chấp ly hôn, con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2025/QĐXX-ST ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 215/2026/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Mỹ H, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ F Khu N, xã Đ, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

* *Bị đơn:* Ông Mai Xuân H1, sinh năm 1985; địa chỉ: K Hải Phòng, phường T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai, nguyên đơn trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Mai Xuân H1 kết hôn năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (nay là phường T, thành phố Đà Nẵng). Trong quá trình chung sống, vợ chồng tôi xảy ra nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Tôi đã rời gia đình chồng từ năm 2021 và chúng tôi sống ly thân cho đến nay. Nay tôi xác định mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn ông H1.

- Về con chung: Tôi và ông H1 có 01 con chung là Mai Bảo C, sinh ngày 23/5/2017. Tôi có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi xác định không có.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để ông H1 tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng ông H1 không có mặt và không gửi ý kiến cho Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng đã xác định: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để cho bà H được ly hôn với ông H1; giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ. Về tài sản chung, nợ chung: không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa bà Phạm Thị Mỹ H và ông Mai Xuân H1 là tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn có địa chỉ cư trú ở địa bàn phường T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025 và Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, ông H1 là bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Bà H và ông H1 kết hôn năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (nay là UBND phường T, thành phố Đà Nẵng), đây là hôn nhân tự nguyện và đảm bảo các quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà H ông H1 đã phát sinh mâu thuẫn. Bà H xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hoà hợp, không có tiến nói chung. Mâu thuẫn kéo dài đến nay vẫn không khắc phục được. Hiện nay hai người đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không ai có trách nhiệm gì với nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống vợ

chồng của bà H ông H1 thực sự đã phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã làm các thủ tục cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho ông H1 nhưng ông H1 vẫn không đến Tòa án để giải quyết việc bà H yêu cầu ly hôn và không gửi cho Tòa án ý kiến của mình. Xét mâu thuẫn vợ chồng bà H ông H1 đã kéo dài, hạnh phúc gia đình không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc ly hôn với ông H1 là phù hợp.

[3.2] Bà H và ông H1 có 01 con chung là Mai Bảo C, sinh ngày 23/5/2017. Bà H có nguyện vọng nuôi con và cháu C có nguyện vọng ở với mẹ. Hiện nay, cháu C đang được bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, ông H1 không đến Toà án để làm việc nên Tòa án không biết yêu cầu của ông H1 về con chung như thế nào. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của con, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ. Xét thấy, mức yêu cầu cấp dưỡng của bà H là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ.

[3.3] Bà H xác định không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà H phải chịu 300.000đ. Án phí về khoản cấp dưỡng định kỳ của người có nghĩa vụ cấp dưỡng ông H1 phải chịu 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Mỹ H về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* đối với ông Mai Xuân H1.

2. **Xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Mỹ H được ly hôn với ông Mai Xuân H1.

- Về con chung: Giao con chung là Mai Bảo C, sinh ngày 23/5/2017 cho bà Phạm Thị Mỹ H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Mai Xuân H1 có nghĩa vụ

cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ, thời gian cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, bà H phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0003010 ngày 07.10.2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án phí về khoản cấp dưỡng định kỳ của người có nghĩa vụ cấp dưỡng 300.000 đồng, ông Mai Xuân H1 phải chịu.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án bản án được giao hoặc được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 – Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- UBND phường Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Ngọc Cường